

Số: 2581/TB-MTS

Hạ Long, ngày 21 tháng 09 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số: 2547/QĐ-MTS ngày 18/09/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần Vật tư - TKV V/v phê duyệt Giá Khởi điểm của tài sản đấu giá;

Công ty cổ phần Vật tư - TKV thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản để bán đấu giá tài sản như sau:

1. Người có tài sản đấu giá:

- Công ty cổ phần Vật tư - TKV;
- Địa chỉ: Tổ 1, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

2. Tài sản bán đấu giá:

Đấu giá 01 lô tài sản gồm: Tài sản cố định thanh lý (13 phương tiện thủy, 22 phương tiện vận tải bộ, 26 thiết bị); công cụ dụng cụ và phế liệu thu hồi (Có chi tiết đính kèm).

3. Giá khởi điểm: 8.473.000.000 đồng


(Tám tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng chẵn)

Giá khởi điểm nêu trên là giá đã bao gồm thuế GTGT, là giá thanh lý tại nơi đang lưu giữ tài sản của Công ty cổ phần Vật tư - TKV (Thành phố Hạ Long + Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 4 - Điều 56 - Luật Đấu giá tài sản và tiêu chí theo Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể:

4.1. Tiêu chí bắt buộc:

Đơn vị có tên trong Danh sách tổ chức đấu giá tài sản, chi nhánh tổ chức đấu giá tài sản của Bộ Tư pháp công bố tại Thông báo số 3136/TB-BTP ngày 21/07/2023. Trường hợp đơn vị không có tên trong Danh sách sẽ bị đánh giá không đạt và bị loại. 

4.2. Tiêu chí chấm điểm:

Theo quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16
2.5	Từ 100% trở lên	18
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5
3.1	Dưới 03 năm	3
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4
3.3	Từ 05 năm trở lên	5
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3
4.1	01 đấu giá viên	1
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5
V	Tiêu chí khác do người có tài sản đấu giá quyết định	5
1	Tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở chính tại Tỉnh Quảng Ninh	2
2	Đấu giá tài sản thành công cho Công ty cổ phần Vật tư - TKV (MTS) từ năm 2021 đến nay Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, hoặc 2.2	3
2.1	Đấu giá tài sản thành công từ 01 cuộc đấu giá trở lên cho MTS từ năm 2021 đến nay	3
2.2	Không thực hiện cuộc đấu giá nào hoặc thực hiện đấu giá không thành công cho MTS từ năm 2021 đến nay	0
Tổng số điểm		100

5. Cách thức lựa chọn tổ chức đấu giá:

Việc lựa chọn tổ chức đấu giá được thực hiện trên cơ sở đáp ứng tiêu chí bắt buộc (quy định tại mục 4.1 Thông báo này) và chấm điểm đối với hồ sơ đăng ký tham gia của các tổ chức đấu giá nộp hồ sơ theo đúng thời gian ghi tại mục 6 Thông báo này. Tổ chức đấu giá được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất. Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó. Trong trường hợp chỉ có một tổ chức đấu giá đăng ký tham gia, tổ chức đó được lựa chọn nếu đáp ứng được các tiêu chí, điều kiện và có điểm chấm tối thiểu là 60 điểm.

Lưu ý: Việc đánh giá và chấm điểm căn cứ hồ sơ nộp khi đăng ký tham gia của tổ chức đấu giá, có kiểm tra đối chiếu với các thông tin trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia

về đấu giá tài sản; các tiêu chí không có hồ sơ, giấy tờ chứng minh sẽ không được xem xét, chấm điểm.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá gồm:
 - + Văn bản đề nghị tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá;
 - + Các giấy tờ chứng minh đáp ứng các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá quy định tại mục 4.2 Thông báo này;
 - + Số lượng hồ sơ: 01 bộ, được đóng trong phong bì dán kín có niêm phong.
- Thời gian nhận hồ sơ: Kể từ ngày đăng tải Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản đến trước 16h00' ngày 26/09/2023 (Trong ngày làm việc, giờ làm việc: 07h30' -:- 16h00').
- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (Trường hợp gửi qua đường bưu điện: Hồ sơ được tính theo giờ giao nhận Hồ sơ với bộ phận Văn thư Công ty trước 16h00' ngày 26/09/2023).
- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Thương mại, Công ty cổ phần Vật tư - TKV, Tổ 1, Khu 2, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại liên hệ: Đ/c Kiên 0912.279.272.
- Khi nộp hồ sơ đăng ký tham gia trực tiếp, người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân/căn cước công dân.
- Công ty cổ phần Vật tư - TKV không hoàn trả hồ sơ cho các đơn vị tham gia chào dịch vụ mà không được lựa chọn.

Công ty cổ phần Vật tư - TKV thông báo để các tổ chức đấu giá biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- Đăng tin (dgts.moj.gov.vn);
- PGD Ngà (Chỉ đạo)
- P.KTAT, KHĐT, KTTC;
- Lưu TM, VP.

GIÁM ĐỐC

K/T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Ninh Thị Mỹ Nga

BẢNG CHI TIẾT TSCĐ, CCDC, PHẾ LIỆU BÁN THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số: 2581/QĐ-MTS ngày 21/09/2023)

TT	Tên TSCĐ, CCDC, phế liệu	Mã TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Năm ngừng hoạt động	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
A	Tài sản cố định:						
I	Phương tiện vận tải thủy:						
1	Sà lan boong nổi QN 1081 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 317/ 326,6T)	LH040003	1989	2021	PT	1	Phương tiện cũ đã qua sử dụng một thời gian dài, hiện hư hỏng, bề mặt rỉ sét.
2	Sà lan boong nổi QN 1122 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 317/ 326,6T)	LH040004	1995	2021	PT	1	
3	Sà lan boong nổi QN 1195 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 317/ 326,6T)	LH040002	1995	2021	PT	1	
4	Sà lan boong nổi QN 1196 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 317/ 326,6T)	LH040001	1995	2021	PT	1	
5	Tàu Bạch Đằng QN 1086 (Tải trọng toàn phần: 15,7T)	BĐ 0001	1978	2022	PT	1	
6	Tàu đẩy Hạ Long 08 QN 1481 (Tải trọng toàn phần: 15T)	HL080001	1998	2022	PT	1	
7	Sà lan boong nổi QN 1181 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 375/ 380,6T)	HL120005	2000	2022	PT	1	
8	Sà lan boong nổi QN 1182 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 375/ 380,6T)	HL120004	2000	2022	PT	1	
9	Sà lan boong nổi QN 1183 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 375/ 380,6T)	HL120002	2000	2022	PT	1	
10	Sà lan boong nổi QN 1184 (Lượng hàng/Tải trọng TP: 375/ 380,6T)	HL120003	2000	2022	PT	1	
11	Tàu đẩy Hạ Long 12 QN 1180 (Tải trọng toàn phần: 15,7T)	HL120001	2000	2022	PT	1	
12	Tàu Hòn Gai QN1067 (Tải trọng toàn phần: 2,3T)	KH0001 D0304008001	1970	2023	PT	1	
13	Tàu Hải Long 02 QN3626 (Tải trọng toàn phần: 18,75T)	KH0006 D0304007001	2005	2023	PT	1	
II	Phương tiện vận tải bộ:						
1	Xe Ford 14C 192-05 (14M 7931) (Tự trọng: 2.716 kg)	PTVTB0079	2007	2021	PT	1	Phương tiện cũ đã qua sử dụng một thời gian dài, đã dừng hoạt động.
2	Xe Ford Ranger 14C 267.94 (14M 6695) (Tự trọng: 2.844 kg)	PTVTB0010	2007	2021	PT	1	
3	Xe Ford Ranger 14C 162.27 (14M 6267) (Tự trọng: 2.844 kg)	PTVTB0006	2007	2021	PT	1	
4	Xe Ford Ranger XLT 14M 4712 (Tự trọng: 2.844 kg)	PTVTB0016	2006	2022	PT	1	
5	Xe KAMAZ təc 14M 7509 (Tự trọng: 23.360 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0035	2007	2020	PT	1	
6	Xe KAMAZ stəc 14C 095.56 (14M 1457) (Tự trọng: 20.460 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0024	2004	2020	PT	1	

TT	Tên TSCĐ, CCDC, phế liệu	Mã TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Năm ngừng hoạt động	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
7	Xe KAMAZ téc 14M 1170 (Tự trọng: 20.460 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0025	2004	2022	PT	1	Phương tiện cũ đã qua sử dụng một thời gian dài, đã dừng hoạt động. Xe 14L8177 và xe 14L8178 đã hết niên hạn sử dụng.	
8	Xe KAMAZ téc 14M 4610 (Tự trọng: 20.460 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0030	2006	2022	PT	1		
9	Xe KAMAZ téc 14M 7582 (Tự trọng: 23.360 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0036	2007	2022	PT	1		
10	Xe Buyt 46 DAEOO 14L 8177 (Tự trọng: 12.160 kg)	PTVTB0012	2002	2022	PT	1		
11	Xe Ford Everest 14M 8550 (Tự trọng: 2.533 kg)	PTVTB0017	2007	2021	PT	1		
12	Xe Ford Everest 7 chỗ 30F 34055 (Tự trọng: 2.633 kg)	PTVTB0087	2011	2021	PT	1		
13	Xe KAMAZ téc 14M 1297 (Tự trọng: 20.460 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0062	2004	2021	PT	1		
14	Xe ISUZU 14C 07254 (Tự trọng: 5.500 kg)	PTVTB0049 D0107024001	2002	2023	PT	1		
15	Xe gạt hầm tàu BD2J	KH0009 B0211058001	2001	2023	PT	1		
16	Xe KAMAZ téc 14M 0022 (Tự trọng: 20.460 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0021	2003	2023	PT	1		
17	Xe KAMAZ téc 14M 0023 (Tự trọng: 20.460 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0022	2003	2023	PT	1		
18	Xe KAMAZ téc 14M 1607 (Tự trọng: 22.130 kg/ Dung tích 14 m3)	PTVTB0026	2005	2023	PT	1		
19	Xe KAMAZ téc 14M 1696 (Tự trọng: 22.130 kg/ Dung tích 14 m3)	PTVTB0028	2005	2023	PT	1		
20	Xe KAMAZ téc 14M 0045 (Tự trọng: 20.460 kg/ Dung tích 12 m3)	PTVTB0023	2003	2023	PT	1		
21	Xe KAMAZ téc 14M 7574 (Tự trọng: 22.130 kg/ Dung tích 14 m3)	PTVTB0034	2007	2023	PT	1		
22	Xe Buyt 46 DAEOO 14L 8178 (Tự trọng: 12.160 kg)	PTVTB0013	2002	2022	PT	1		
III	Thiết bị:							
1	Máy hàn điện bán tự động 1 mỏ KR11-500	MM0022	2008	2020	Cái	1		Thiết bị cũ đã qua sử dụng, hư hỏng hoàn toàn.
2	Máy hàn điện bảo vệ khí CO2-MIG/MAG	MM0019	2007	2020	Cái	1		
3	Máy hàn điện bảo vệ khí CO2-MIG/MAG	MM0020	2007	2020	Cái	1		
4	Téc, đường ống van xả C6	VKTB0006	1988	2020	Bộ	1		
5	Cột bơm Korea kép QĐ 830 H10MD	CB0022	2008	2021	Cái	1		
6	Cột bơm dầu Đèo Nai	CB0033	2002	2020	Cái	1		
7	Cột bơm NL C.Ông 160l/p thành 85 l/p kép	CB0021	2005	2020	Cái	1		
8	Cột bơm dầu Cửa hàng Cẩm Phả	CB0032	2002	2020	Cái	1		
9	Cột bơm dầu Cửa hàng Cẩm Phả	CB0034	2003	2020	Cái	1		
10	Cột bơm NL Cẩm Phả 160l/p thành 85 l/p kép	CB0018	2006	2020	Cái	1		
11	Đồng hồ lưu lượng kế (TCS 700-30SP10AL)	LLK0001	2006	2020	Cái	1		

TT	Tên TSCĐ, CCDC, phế liệu	Mã TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Năm ngừng hoạt động	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
12	Đồng hồ lưu lượng kế (TCS 700-30SP10AL 76760L/p)	LLK0004	2002	2020	Cái	1	Thiết bị cũ đã qua sử dụng, hư hỏng hoàn toàn.
13	Đồng hồ lưu lượng kế (TCS 700-15SP10AL)	LLK0005	2006	2020	Cái	1	
14	Đồng hồ lưu lượng kế Cửa Ông (VTNL TCS 700-30SP10AL)	LLK0006	2006	2020	Cái	1	
15	Lưu lượng kế lắp Xe 14M 0022	LLK0007	2008	2020	Cái	1	
16	Lưu lượng kế lắp Xe 14M 1457 (14C 095.56)	LLK0008	2008	2020	Cái	1	
17	Lưu lượng kế lắp Xe 14M 1642	LLK0009	2008	2020	Cái	1	
18	Lưu lượng kế lắp Xe 14M 1170	LLK0010	2008	2020	Cái	1	
19	Lưu lượng kế lắp Xe 14M 1696	LLK0011	2008	2020	Cái	1	
20	Lưu lượng kế lắp Xe 14M 1607	LLK0012	2008	2020	Cái	1	
21	02 Cột bơm xăng dầu điện tử kho NL 85 L/P	CB0047	2005	2023	Cái	2	
22	02 Cột bơm xăng dầu điện tử kho NL 85 L/P	CB0046	2004	2023	Cái	2	
23	04 Cột bơm xăng dầu điện tử kho NL 85 L/P	CB0045	2002	2023	Cái	4	
24	01 bộ Lưu lượng kế dầu ga doan	LLK0019	2006	2023	Cái	1	
25	01 bộ Lưu lượng kế dầu ga doan	LLK0020	2008	2023	Cái	1	
26	Tổ máy phát điện 10 Kw	MPĐ0020	2007	2023	Cái	1	
B	Công cụ dụng cụ:						
1	Ê tô				Cái	1	Máy, công cụ đã qua sử dụng một thời gian dài, hư hỏng hoàn toàn.
2	Máy cắt rùa				Cái	1	
3	Máy cắt Makita 220V-2000W				Cái	1	
4	Máy bơm 1.000W				Cái	1	
5	Máy may BHLĐ				Cái	12	
6	Máy thừa khuy				Cái	2	
7	Máy đinch cút				Cái	2	
8	Vỏ chai Ôxy				Chai	35	
9	Ghế hội trường				Cái	96	
10	Trần nhôm				m2	270	
11	Bình năng lượng mặt trời				Bộ	1	
12	Quạt trần				Cái	9	
13	Máy giặt LG 17 kg				Cái	1	
14	Lò vi sóng Panasonic 31 lít				Cái	1	
15	Máy lọc không khí DAIKIN				Cái	2	
16	Máy sấy thiết bị y tế Galy CKFL 6-12				Cái	1	
17	Camera QS DS 2CD2132-IWS				Cái	1	
18	Camera QS DS-2142FWD-I				Cái	1	
19	Camera QS DS-2CD2T43G0-I8				Cái	1	
20	Máy quay phim				Cái	1	
21	Máy tính bảng Apple Ipad				Cái	3	
22	Máy tính xách tay Dell 5567				Bộ	1	
23	Bộ máy tính để bàn				Bộ	1	
24	Cây máy tính bàn				Bộ	1	
25	Máy tính xách tay				Cái	1	


 BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 VIỆT NAM

TT	Tên TSCĐ, CCDC, phế liệu	Mã TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Năm ngừng hoạt động	ĐVT	Số lượng	Ghi chú	
26	Máy tính xách tay Dell U3568				Cái	1	Máy, công cụ đã qua sử dụng một thời gian dài, hư hỏng hoàn toàn.	
27	Máy tính xách tay				Cái	1		
28	Máy tính bảng Apple ipad MH1G2				Cái	1		
29	Lưu điện Santak 1000 VA				Cái	4		
30	Lưu điện Santak TG 1000				Bộ	1		
31	Máy in Canon 3300				Cái	1		
32	Điều hòa Panasonic				Cái	1		
33	Điều hòa Panasonic S12RKH				Cái	1		
34	Điều hòa Mitsubishi 12.000 BTU				Cái	3		
35	Ổn áp Lioa 3 pha 10KVA				Cái	1		
36	Nạp ắc quy Lioa				Cái	1		
37	Tủ lạnh Green Life				Cái	1		
	Các Cụm chi tiết							
38	Stec 30 m3 (2.000 kg/chiếc)				Chiếc	6		
39	Bơm nước ly tâm 5 tầng cánh 15 Kw				Chiếc	1		
40	Bơm nước ly tâm 3 tầng cánh 2,2 Kw				Chiếc	1		
41	Bơm nước ly tâm 3 tầng cánh 5,5 Kw				Chiếc	1		
42	Bơm dầu ly tâm 11 Kw				Chiếc	3		
43	Bơm dầu trực vít 7,5 Kw				Chiếc	1		
44	Cân xuất dầu tự động				Cụm	1		
45	Máy phát điện 5 KVA				Chiếc	1		
46	Máy tiện ren ống nước (30 kg/chiếc)				Chiếc	1		
47	Quạt thông gió 380V - 2 Kw (15 kg/chiếc)				Chiếc	1		
48	Bơm khí nén KOBELCO 380V - 11 Kw (50 kg/chiếc)				Chiếc	1		
49	Máy làm lớp Trung Quốc (150 kg/chiếc)				Chiếc	1		
50	Động cơ 35 Kw (200 kg/chiếc)				Chiếc	1		
51	Động cơ 15 Kw (70 kg/chiếc)				Chiếc	1		
52	Stec 35 m3 (2.000 kg/chiếc)				Chiếc	1		
53	Giá kê Stec 30 m3 (300 kg/chiếc)				Chiếc	2		
54	Máy đóng than tổ ong (200 kg/chiếc)				Chiếc	1		
55	Lưu lượng kế EnE				Chiếc	7		
56	Đồng hồ lưu lượng kế Vinacomin				Chiếc	1		
57	Bơm nước ly tâm 15 Kw				Chiếc	2		
58	Bơm nước ly tâm 40 Kw				Chiếc	1		
C	Phế liệu thu hồi:							
1	Kim loại đen				Kg	98.485,52		Số lượng tạm tính, giao nhận theo số cân thực tế.
2	Kim loại màu				Kg	1.527,30		
2.1	Đồng phế liệu				Kg	383,00		
2.2	Nhôm phế liệu				Kg	706,70		
2.3	Gang phế liệu				Kg	437,60		

Ghi chú: Tài sản được lưu giữ tại P.Hồng Hà - Hạ Long; P.Quang Hanh, Cẩm Thạch, Cẩm Đông, Cửa Ông - Cẩm Phả.